

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 21/2023/HNGĐ - ST
Ngày 25/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thanh và bà Cao Thị Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thề - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:
Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Đỗ Xuân Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 06/3/2023 và trong quá trình tố tụng chị Đặng Thị T trình bày:

Chị T và anh Đ kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình vào ngày 20/11/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn L, xã Đ. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên thường xảy ra xô xát, cãi nhau về cách làm ăn, và trong sinh hoạt. Anh Đ là người vô tâm mãi chơi ít quan tâm đến vợ con. Mọi công việc trong gia đình chị đều phải lo liệu, hằng ngày chị T lao động vất vả nhưng anh Đ không biết chia sẻ cùng chị, mặc khác chị T còn nghi ngờ anh Đ không chung thủy, chị T đã khuyên bảo nhiều nhưng anh Đ không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xô xát, có lần anh Đ đã tát chị T. Từ ngày 11/3/2022 chị chán nản đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn X, xã Đ để sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T nhất định xin được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 03 con chung là Đỗ Thị Vân A, sinh

ngày 24/10/2003; Đỗ Quang H, sinh ngày 27/7/2007 và Đỗ Ngọc Thảo C, sinh ngày 28/7/2014. Con A đã trưởng thành trên 18 tuổi tự lập về kinh tế, không phải nuôi dưỡng.

Trước khi Tòa án tiến hành hòa giải thì hai con H và C ở với anh Đ. Tuy nhiên gần đây cháu H và cháu C đã sang ở cùng với chị tại nhà ông bà ngoại ở thôn X, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Đỗ Quang H và Đỗ Ngọc Thảo C không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Nếu không được nuôi cả hai con chị T xin nuôi con Đỗ Ngọc Thảo C vì cháu C là con gái lại hay ốm đau, chị T đề nghị giao con Đỗ Quang H cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện chị lao động tự do thu nhập khoảng 6.000.000 đ- 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Đỗ Xuân Đ trình bày: Anh Đ và chị T kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường không có mâu thuẫn gì lớn. Trước đây khi anh đi nước ngoài làm ăn về vợ chồng vẫn chung sống bình thường, nhưng từ năm 2019 anh về mở xưởng làm cơ khí nhưng đúng thời điểm dịch CoVid bùng phát phải cách ly nên làm ăn không hiệu quả thu nhập không cao. Cùng với việc anh thích chăn nuôi con vật như nuôi con chó con gà cho vui thì chị T không đồng ý, dẫn đến việc vợ chồng xô xát. Từ tháng 3/2022 chị T tự ý bỏ nhà đi Lào Cai làm ăn cùng người đàn ông khác cùng thôn, không chung sống cùng anh nữa. Vì các con anh đã nhiều lần đi tìm chị T, anh lên tận Lào Cai tìm chị nhưng chị T vẫn không quay về chung sống cùng bố con anh, anh nghi ngờ chị Thao không chung thủy. Sau khi chị T bỏ đi anh Đ đã phải nhờ gia đình hai bên nội ngoại giúp đỡ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Nay chị T không muốn chung sống cùng anh, kiên quyết xin ly hôn anh Đ chấp nhận ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đúng như chị T trình bày. Từ khi chị T bỏ nhà đi một mình anh Đ nuôi cả 03 con, chị T không còn quan tâm đến các con. Nếu phải ly hôn anh Đ xin được nuôi 02 con là Đỗ Quang H và Đỗ Ngọc Thảo C yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh theo pháp luật. Đối với con Đỗ Thị Vân A đã trên 18 tuổi đã đi làm và tự lập về kinh tế không phải nuôi dưỡng. Tuy nhiên gần đây cả 02 con H và C đã sang ở với chị T nên anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng cháu C, anh Đ nuôi dưỡng cháu H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của chị T, anh Đ đã tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T

được ly hôn anh Đ. Về con chung: Công nhận thỏa thuận của anh Đ chị T giao con Đỗ Ngọc Thảo C cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con Đỗ Quang H cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, con Đỗ Thị Vân A đã trưởng thành không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T, anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm và vợ chồng đều nghi ngờ nhau không chung thủy. Nay chị T xin ly hôn, anh Đ chấp nhận ly hôn

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Chị T và anh Đ có 03 con chung là Đỗ Thị Vân A, sinh ngày 24/10/2003; Đỗ Quang H, sinh ngày 27/7/2007 và Đỗ Ngọc Thảo C, sinh ngày 28/7/2014. Con Đỗ Thị Vân A đã trưởng thành trên 18 tuổi tự lập về kinh tế, không phải nuôi dưỡng. Ly hôn, chị T, anh Đ thỏa thuận chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Ngọc Thảo C, anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Quang H, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Việc thỏa thuận của anh Đ, chị T không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với thực tế do vậy hội đồng xét xử công nhận thỏa thuận của anh Đ, chị T.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án; Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn anh Đỗ Xuân Đ.

2/ Về con chung: Xử công nhận thỏa thuận của anh Đ chị T về việc: Chị T

và anh Đ có 03 con chung là Đỗ Thị Vân A, sinh ngày 24/10/2003; Đỗ Quang H, sinh ngày 27/7/2007 và Đỗ Ngọc Thảo C, sinh ngày 28/7/2014. Con Đỗ Thị Vân A đã trưởng thành trên 18 tuổi tự lập về kinh tế nên không phải nuôi dưỡng.

Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Ngọc Thảo C; Anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng con Đỗ Quang H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Việc thay đổi nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng đặt ra khi một trong các bên có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003155 ngày 10/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 25/5/2023.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Viện kiểm sát NDhuyện Đông Hưng ;
- Thị hành án dân sự huyện Đông Hưng;
- UBND xã Đ, huyện Đông Hưng
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Hà Thị Nhung

